TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2025/DS-ST
Ngày: 28/8/2025
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Liên

2. Ông Đỗ Tiến Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S; Địa chỉ: 2 N, phường X (tên cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q và khai thác tài sản Ngân hàng S. Địa chỉ: B N, phường X (tên cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật Kinh K, sinh năm 1987 Địa chỉ liên hệ: 278 N, phường X (tên cũ: Phường V, Quận C), Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy ủy quyền số 2673/2025/UQ-TGD ngày 24/4/2025). (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lường Thị D, sinh năm 1989; Địa chỉ: C C, phường T (tên cũ: Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/6/2021, bà Lường Thị D (bà D) có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi chung là Hợp đồng tín dụng), hạn mức tín dụng là 30.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.48%/tháng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà D phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 87.143.900 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 65.894.589 đồng. Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06/5/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 33.923.138 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, làm việc và yêu cầu bà D có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, bà D vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bà Lường Thị D, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Lường Thị D phải trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền tạm tính đến ngày 27/12/2023 là 43.858.502 đồng, gồm: Nợ gốc: 33.923.138 đồng, lãi quá hạn: 9.935.364 đồng.

- Bà Lường Thị D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/12/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà Lường Thị D không đến tòa trình bày ý kiến dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đương sự về việc trình bày ý kiến. Ngày 20 tháng 6 năm 2025, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, do Bị đơn không có thiện chí trả nợ và không đến Tòa làm việc, không có thiện chí hòa giải về tranh chấp nên đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải, đề nghị sớm đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án lần thứ nhất vào lúc 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 8 năm

2025 nhưng Bị đơn vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Để tạo điều kiện cho Bị đơn đến Tòa án trình bày ý kiến nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa;

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Nhật K1 K là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến như sau: Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/8/2025 là 69.538.892 đồng, trong đó: nợ gốc là 33.923.138 đồng; lãi quá hạn là 35.615.754 đồng. Bà D có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/8/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lường Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc thực hiện thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quá trình diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có đơn yêu cầu Bị đơn bà Lường Thị D trả tiền vay từ hợp đồng tín dụng còn thiếu, đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền*: Tại Kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: "Đương sự Lường Thị D, sinh năm 1989, có hộ khẩu thường trú và hiện đang thực tế cư trú tại C C, Phường T (tên cũ: Phường D, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh" nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] *Về người tham gia tố tụng*: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (Lần thứ nhất vào ngày 06 tháng 8 năm 2025, lần thứ hai ngày 28 tháng 8 năm 2025), nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Xét Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc còn lại chưa thanh toán 33.923.138 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Căn cứ lời trình bày của Nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyên đơn và Bị đơn có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 08/6/2021. Theo đó, Nguyên đơn đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 30.00.000 đồng cho Bị đơn với mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân. Theo bảng tóm tắt sao kê nợ chưa thanh toán của khách hàng Lường Thị D thì tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2025, Bị đơn chưa thanh toán nợ gốc là 33.923.138 đồng. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 08/6/2021 đã ký nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền nợ gốc 33.923.138 đồng là phù hợp khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Xét yêu cầu bị đơn trả tiền lãi:*

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê của bà Lường Thị D, đối với số tiền vốn 33.923.138 đồng thì lãi quá hạn là 35.615.754 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 luật các tổ chức tín dụng quy định "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng N quy định: "*Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng*". Ngoài ra, tại khoản 2 Điều 22 của quyết định số 04/VBHN-NHNN của Ngân hàng N ban hành ngày 24/4/2014 đã quy định nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: "*Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ*".

Từ những quy định nêu trên thì việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn giữa Nguyên đơn và Bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Do đó Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả tiền lãi quán hạn đến ngày 28 tháng 8 năm 2025 là 35.615.754 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29 tháng 8 năm 2025 cho đến khi trả dứt nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về thời hạn thanh toán:* Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần số nợ trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 06/5/2023, Bị đơn đã không tiếp tục thanh toán cho Nguyên đơn như thỏa thuận trong Hợp đồng hai bên đã ký, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán ngay một lần khoản nợ trên là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 3.476.945 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Lường Thị D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/8/2025 là: 69.538.892 (sáu mươi chín triệu năm trăm ba mươi tám nghìn tám trăm chín mươi hai) đồng (trong đó nợ gốc là 33.923.138 đồng; lãi quá hạn là 35.615.754 đồng).

Kể từ ngày 29/8/2025, bà Lường Thị D tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 08/6/2021 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

Bà Lường Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.476.945 (ba triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi lăm) đồng.

Hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.096.463 (một triệu không trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm sáu mươi ba) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003697 ngày 02 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng thi hành án khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống

đạt, niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Long

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Long